

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt bổ sung Quy hoạch thủy điện nhỏ toàn quốc
trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 110/NQ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về việc ban hành Danh mục các quy hoạch được tích hợp vào quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 59 Luật Quy hoạch;

Căn cứ các Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 329/QĐ-BCT ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về nguyên tắc và thứ tự thực hiện điều chỉnh bổ sung quy hoạch các dự án điện;

Căn cứ Thông tư số 43/2012/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương quy định về quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng dự án thủy điện và vận hành khai thác công trình thủy điện;

Xét đề nghị của UBND tỉnh Bắc Kạn tại các văn bản: Số 3232/UBND-GTCNXD ngày 09 tháng 6 năm 2020 về việc đề nghị bổ sung quy hoạch các Dự án thủy điện trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn; Số 3415/UBND-GTCNXD ngày 18 tháng 6 năm 2020 về việc bổ sung thông tin hồ sơ bổ sung quy hoạch các dự án thủy điện trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

Trên cơ sở Báo cáo bổ sung quy hoạch các dự án thủy điện Mỹ Thanh và Pác Nặm do Công ty Cổ phần tư vấn, xây dựng và Thương mại Tây Nguyên lập, hiệu chỉnh tháng 9 năm 2020;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung các Dự án thủy điện Mỹ Thanh và Pác Nặm vào Quy hoạch thủy điện nhỏ toàn quốc trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Vị trí xây dựng công trình, nhiệm vụ, sơ đồ khai thác và các thông số chính của các Dự án thủy điện được ghi tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Việc đầu tư xây dựng các Dự án thủy điện Mỹ Thanh và Pác Nặm phải đảm bảo phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch: Phát triển kinh tế - xã hội, sử dụng đất, sử dụng tài nguyên, phát triển điện lực. Đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành về xây dựng, tài nguyên nước, bảo vệ và phát triển rừng và các quy định có liên quan khác.

Điều 3. Trong giai đoạn nghiên cứu đầu tư xây dựng công trình các Dự án thủy điện nêu trên, UBND tỉnh Bắc Kạn chỉ đạo Chủ đầu tư, đơn vị Tư vấn và các cơ quan có liên quan thực hiện các nội dung sau:

- Hoàn thiện điều tra, khảo sát bổ sung, đánh giá đầy đủ các điều kiện tự nhiên khu vực Dự án (địa hình, địa chất, khí tượng, thủy văn, dân sinh, kinh tế - xã hội...);

- Tiếp tục nghiên cứu chuẩn xác quy mô mực nước dâng bình thường (MNDBT), mực nước chết (MNC), mực nước hạ lưu nhà máy nhỏ nhất (MNHL_{min}), công suất lắp máy (N_{lm}), điện lượng trung bình năm (E₀) và phương án thiết kế các hạng mục công trình có liên quan nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, đảm bảo công trình vận hành an toàn ổn định và giảm thiểu tác động đối với môi trường - xã hội;

- Đánh giá kỹ và thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tác động của Dự án đối với môi trường - xã hội. Trong đó, phải lập và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện các phương án về: Trồng rừng thay thế, đảm bảo duy trì dòng chảy tối thiểu phía hạ lưu đập. Công tác bồi thường, hỗ trợ, di dân, tái định cư phải được thực hiện phù hợp với phong tục tập quán của đồng bào các dân tộc tại địa phương;

- Rà soát, đánh giá kỹ quy hoạch đất rừng các loại và hiện trạng đất rừng của tỉnh, trên cơ sở đó xác định chính xác diện tích chiếm đất các loại của các Dự án thủy điện nêu trên để thực hiện việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành và các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của cấp có thẩm quyền;

- Trong quá trình đầu tư xây dựng, vận hành khai thác các nhà máy thủy điện phải đảm bảo không ảnh hưởng đến các bậc thang thủy điện liền kề phía thượng và hạ lưu trong quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Thực hiện các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng theo Luật Xây dựng, các Nghị định của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng;

- Tiến độ thực hiện các Dự án phải phù hợp với tiến độ xây dựng lưới điện truyền tải trong khu vực;

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo, Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Kạn, Giám đốc Sở Công Thương tỉnh Bắc Kạn, Tổng giám đốc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Chủ đầu tư các Dự án và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, DL.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG



Đặng Hoàng An

PHỤ LỤC
THÔNG SỐ CHÍNH CỦA CÁC DỰ ÁN ĐƯỢC BỔ SUNG VÀO QUY HOẠCH THỦY ĐIỆN NHỎ TOÀN QUỐC
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC KẠN

(Ban hành theo Quyết định số: 7 8 1 /QĐ-BCT ngày 04 tháng 3 năm 2021 của Bộ Công Thương)

Tên Dự án	Vị trí xây dựng công trình		Nhiệm vụ chính	Sơ đồ khai thác	Các thông số chính
	Tọa độ (dự kiến)	Sông, suối - hệ thống sông			
1. Thủy điện Mỹ Thanh	- Tuyến đập: 22°09'33,29" Vĩ độ Bắc - 105°53'22,41" Kinh độ Đông - Nhà máy: 22°09'11,55" Vĩ độ Bắc - 105°53'38,53" Kinh độ Đông	Sông Cầu - hệ thống sông Thái Bình.	Phát điện lên lưới điện quốc gia.	Đập dâng kết hợp đập tràn xả lũ trên sông Cầu; tuyến năng lượng kiểu đường dẫn bên bờ phải sông Cầu và nhà máy thủy điện kiểu hồ xả nước trở lại sông Cầu.	$F_{IV} = 610,2 \text{ km}^2$. $MNDBT = 124,5 \text{ m}$. $MNHL_{\min} = 109,92 \text{ m}$. $N_{lm} = 5 \text{ MW}$. $E_o = 17,03 \text{ triệu kWh}$.
2. Thủy điện Pác Nặm	- Tuyến đập: 22°38'07,86" Vĩ độ Bắc - 105°43'24,66" Kinh độ Đông - Nhà máy: 22°38'44,97" Vĩ độ Bắc - 105°43'37,52" Kinh độ Đông	sông Năng - hệ thống sông Hồng.	Phát điện lên lưới điện quốc gia.	Đập dâng số 1 kết hợp đập tràn trên nhánh phải sông Năng (Phụ lưu số 1 của sông Năng) tạo hồ điều tiết ngày đêm, đập dâng số 2 kết hợp đập tràn trên nhánh trái sông Năng (Phụ lưu số 2 của sông Năng) gom nước về hồ điều tiết bằng hầm dẫn; tuyến năng lượng kiểu đường dẫn bên bờ phải sông Năng và nhà máy thủy điện kiểu hồ xả nước trở lại sông Năng	$F_{IV1} = 180,2 \text{ km}^2$. $F_{IV2} = 214,1 \text{ km}^2$. $MNDBT_{d1} = 256 \text{ m}$. $MNDBT_{d2} = 256,5 \text{ m}$. $MNHL_{\min} = 226,78 \text{ m}$. $N_{lm} = 6,5 \text{ MW}$. $E_o = 22,16 \text{ triệu kWh}$.

Ghi chú: F_N : Diện tích lưu vực tính đến tuyến đập; $MNDBT$: Mức nước dâng bình thường; MNC : Mức nước chết; $MNHL_{\min}$: Mức nước hạ lưu nhà máy nhỏ nhất; N_{lm} : Công suất lắp máy; E_o : Điện lượng bình quân năm.